TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Ngọc Khoảng**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Minh**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đượng sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Luận E**, sinh năm 1964. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Luận E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà S thành hôn vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết, thời gian chung sống được hơn 30 năm, thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay ông xác định không thể sống chung được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Huỳnh Thị S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 03/6/1992 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Luận E thành hôn năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông Luận E có quan hệ với người phụ nữ khác và có hành vi đánh đập bà.

- Về con chung Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 03/6/1992 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Văn Luận E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị S cư trú tại ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Trần Văn Luận E và bà Huỳnh Thị S chung sống như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như lời trình bày của ông Luận E và bà S là phù hợp với xác nhận ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long và xác nhận ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long nên việc kết hôn của ông Luận E và bà S không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa ông Luận E và bà S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Ông Trần Văn Luận E và bà Huỳnh Thị S xác định có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 03/6/1992 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, ông Luận E và bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Trần Văn Luận E và bà Huỳnh Thị S tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Luận E phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn ông Trần Văn Luận E và bị đơn bà Huỳnh Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung:

Có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 03/6/1992 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, ông Luận E và bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Trần Văn Luận E và bà Huỳnh Thị S tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn Luận E nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Luận E đã nộp theo biên lai thu số 0016221 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Ông Luận E đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An